

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 478/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2023

V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hoàng Nam** và bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn R, huyện R, tỉnh G.

(Chị X có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1971

HKTT: 55 Nguyễn Cửu V, phường 4, thành phố A, tỉnh A.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, thị trấn R, huyện R, tỉnh G.

(Anh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Vào năm 2005 chị và anh Nguyễn Ngọc C cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian khoảng 10 năm nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Anh C thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc,

đánh bài không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng và thường xuyên uống chửi chị bằng những lời thô tục, chị đã cố gắng hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh C nữa nên quyết định ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007, hiện con đang sống cùng vợ chồng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị X yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C
- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2023; Biên bản hòa giải ngày 24/7/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/8/2023 bị đơn anh Nguyễn Ngọc C trình bày: Vào năm 2005 anh và chị Nguyễn Thị X cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh làm ăn khó khăn, không có tiền đưa cho chị X nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi và trong lúc nóng giận anh có đánh chị X 02 lần nhưng do anh phát hiện chị X có người đàn ông khác bên ngoài, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc.

Anh C thừa nhận có đánh bài và uống rượu với bạn bè như chị X trình bày là thật và vợ chồng có thường xuyên cự cãi với nhau. Anh đã cố gắng hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007, hiện con đang sống cùng vợ chồng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có tài sản chung nhưng do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị X yêu cầu xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con nên xin được hàn gắn đoàn tụ.

- *Về con chung*: Nếu chị X vẫn cương quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý giao con chung Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007 cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc C có hộ khẩu thường trú số 55 Nguyễn Cửu V, phường 4, thành phố A, tỉnh A; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, thị trấn R, huyện R, tỉnh G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh C chung sống với nhau từ năm 2005 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân không hợp pháp, trong quá trình giải quyết vụ án anh Cường không đồng ý ly hôn với chị X. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa chị X và anh C đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị X và anh C là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị X và anh C xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007, hiện nay đang sống cùng chị X. Nay chị X có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và trong quá trình giải quyết anh C cũng

thống nhất giao con cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Q. Do đó, HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là tiếp tục giao cháu Q cho chị X trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị X về quyền yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Q cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị X xác định không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và việc chị X không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị X và anh C xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị X và anh C cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị X là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị X và anh C là giao con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 09/3/2007 cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con), chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh Nguyễn Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Ngọc C xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Ngọc C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008223 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị X không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Chị X có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- THADS huyện Giồng Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Cẩm Nhung